

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2022

V/v “Tranh chấp không công nhận quan
hệ vợ chồng và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Khanh
Ông Lương Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/11/2021 về “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Ngọc N, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ 6, ấp L, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn O, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ 8, ấp M, xã H, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Võ Thị Ngọc N trình bày: Vào tháng 10/2007, bà N và Bùi Văn O quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện sống chung với nhau

như vợ chồng, không tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống do khó khăn về kinh tế dẫn đến bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cả hai đã ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông O.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Võ Tường V, sinh ngày 02/4/2017 hiện cháu đang sống cùng cha mẹ. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Võ Tường V, không yêu cầu ông O cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 26/4/2022, nguyên đơn Võ Thị Ngọc N có đơn xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn Bùi Văn O đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 204/2021/TB-TLVA ngày 22/11/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 641/2021/TB-TA ngày 17/12/2021; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 58/2022/TB-TA ngày 17/01/2022; Thông báo số 59/2022/TB-TA ngày 17/01/2022 v/v có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (lần 1); Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 265/2022/TB-TA ngày 30/3/2022; Thông báo số 266/2022/TB-TA ngày 30/3/2022 v/v có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (lần 2); Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2022 và giấy triệu tập xét xử lần 1.

- Ngày 18/4/2022, bị đơn Bùi Văn O cung cấp đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án với nội dung xin được vắng mặt khi Tòa án xét xử và đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng với bà N. Ông O đồng ý giao cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Võ Tường V, sinh ngày 02/4/2017, ông O không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Ông O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn Võ Thị Ngọc N và bị đơn Bùi Văn O vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà N khởi kiện tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung với ông O có nơi cư trú tại xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 18/4/2022, bị đơn Bùi Văn O cung cấp đơn xin được xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến. Ngày 26/4/2022, nguyên đơn Võ Thị Ngọc N có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N và ông O.

[2] Về nội dung khởi kiện:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị Ngọc N và ông Bùi Văn O chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 mà đến nay không đăng ký kết hôn. Theo đơn khởi kiện, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông O. Tại đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 18/4/2022, ông O đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng với bà N. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ **Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53** của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Ngọc N và ông Bùi Văn O.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà N và ông O có 01 con chung tên Bùi Võ Tường V, sinh ngày 02/4/2017. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Võ Tường V, không yêu cầu ông O cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 18/4/2022, ông O đồng ý giao con chung Bùi Võ Tường V, sinh ngày 02/4/2017 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện bà N làm công nhân tại Công ty T thu nhập khoảng 4.200.000đồng/tháng đủ điều kiện kinh tế để nuôi con. Để tiếp tục đảm bảo điều kiện phát triển về thể chất và tinh thần cho cháu Bùi Võ Tường V, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho bà Võ Thị Ngọc N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Bùi Võ Tường V, sinh ngày 02/4/2017 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Ông Bùi Văn O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Bùi Võ Tường V, sinh ngày 02/4/2017 mà không ai được quyền cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N và ông O chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Võ Tường V nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà N và ông O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị Ngọc N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Võ Thị Ngọc N và ông Bùi Văn O.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Võ Thị Ngọc N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Võ Tường V, sinh ngày 02/4/2017 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Ông Bùi Văn O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Bùi Võ Tường V, sinh ngày 02/4/2017 mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Võ Thị Ngọc N và ông Bùi Văn O chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Võ Tường V nên Tòa án

không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Ngọc N và ông Bùi Văn O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012328 ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bình Minh. Bà Võ Thị Ngọc N đã nộp xong.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

7. Án xử công khai, bà Võ Thị Ngọc N và ông Bùi Văn O được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Dương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thúy Quỳnh